

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 113 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 13 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3416/QĐ-BCT ngày 18/8/2016 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế/thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 632/QĐ-LĐTBXH ngày 04/5/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 636/QĐ-LĐTBXH ngày 05/5/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ của lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;



Căn cứ Quyết định số 2736/QĐ-BTNMT ngày 29/10/2019 của Bộ Tài Nguyên - Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai tại Tờ trình số 68/TTr-KCNĐN ngày 26/12/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Bộ thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi/bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai (*danh mục & nội dung thủ tục đính kèm*).

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, trong đó có một số thủ tục hành chính được ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi/bổ sung, thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ như sau:

1. Lĩnh vực Môi trường

1.1. Ban hành mới 02 thủ tục:

- Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

1.2. Thay thế 02 thủ tục:

- “Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường” thành “Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường”.

- “Cấp giấy Xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án” thành “Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án”.

1.3. Bãi bỏ 02 thủ tục:

- Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Lĩnh vực Lao động - Tiền lương

- Sửa đổi thủ tục “Đăng ký/đăng ký lại nội quy lao động của doanh nghiệp” thành “Đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp”

3. Lĩnh vực Việc làm

- Ban hành mới 01 thủ tục: Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.

4. Lĩnh vực Xây dựng

4.1. Ban hành mới 02 thủ tục:

- Thủ tục cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt)

- Thủ tục điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

4.2. Sửa đổi 02 thủ tục:

- “Thẩm định thiết kế cơ sở (trừ thiết kế công nghệ) đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách và dự án sử dụng vốn khác” thành “Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh”.

- “Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng công trình” thành “Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh”.

4.3. Bãi bỏ 08 thủ tục:

- Cấp giấy phép xây dựng mới cho dự án;
- Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình trạm BTS;
- Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình quảng cáo;
- Cấp giấy phép xây dựng có thời hạn;
- Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa/cải tạo công trình;
- Cấp lại giấy phép xây dựng;
- Điều chỉnh giấy phép xây dựng;
- Gia hạn giấy phép xây dựng.

Điều 3. Quyết định này thay thế các Quyết định: Quyết định số 3933/QĐ-UBND ngày 07/11/2018, Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 và Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai.

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc của đơn vị.

Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia. Đồng thời, in ấn, photo đóng thành quyển các thủ tục hành chính đã được công bố, phát hành đến các đơn vị theo thành phần nơi nhận của Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Trung tâm hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa; và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (VPCP);
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Đài Phát thanh truyền hình Đồng Nai;
- Báo Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KTN, KGVX, HCC, Cổng TTĐT tỉnh.

CHỦ TỊCH



Cao Tiến Dũng



THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành theo Quyết định số MB/QĐ-UBND ngày 13/01/2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
I. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ		
1	Quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	1
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	5
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	10
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư)	14
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	19
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư	22
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	33
8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư)	35
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	38
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ	42
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư	46
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế	53
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài	55

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	57
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	59
16	Giãn tiến độ đầu tư	61
17	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	63
18	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	65
19	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương	67
20	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư	69
21	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý	71
22	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban quản lý	74
II. LĨNH VỰC LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG		114
23	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	114
III. LĨNH VỰC VIỆC LÀM		116
24	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	116
25	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	123
26	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động	130
27	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	135
IV. LĨNH VỰC XÂY DỰNG		141
28	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh	141
29	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh	145
30	Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong khu công nghiệp (trừ công trình cấp đặc biệt)	152

STT	Tên thủ tục hành chính	Trang
31	Điều chỉnh, gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	163
V. LĨNH VỰC THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ		167
32	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	167
33	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	173
34	Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	180
35	Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	185
36	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam thuộc thẩm quyền của cơ quan cấp Giấy phép	189
VI. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG		193
37	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường	193
38	Chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt	211
39	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	215
40	Đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	225

